Người ký: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN
Email: phutan@angiang.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

DANH SÁCH
HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO CÓ NHU CẦU VỀ NHÀ Ở ĐẾN NĂM 2025
Thực hiện Phong trào thi đua "Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025

(kèm theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân)

STT huyện	STT xã	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Địa chỉ (ấp)	Đối tượng		Phân loại theo Quyết định số 55/QĐ-BXD		PHỤ GHI
			Nam	Nữ		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Nhóm 1 (đủ điều kiện)	Nhóm 2 (chưa đủ điều kiện)	
		I - Long Hòa: 19 Căn				**9**	**10**	**16**	**3**	
1	1	Trương Thị Cườm		1975	Long Thạnh 2		x	x		
2	2	Trần Thị Dum		1961	Long Hòa 1	x		x		
3	3	Võ Thị Nhàn		1956	Long Hòa 2	x		x		
4	4	Nguyễn Thị Phương		1952	Long Hòa 1	x		x		
5	5	Võ Thị Thu		1953	Long Thạnh 2	x		x		
6	6	Trần Thanh Vân	1983		Long Thạnh 2	x		x		
7	7	Phạm Văn Nhà	1970		Long Thạnh 2	x			x	Ở đậu, chủ đất không cho cất
8	8	Phùng Văn Chính	1963		Long Hòa 1	x		x		
9	9	Nguyễn Định Tường	1968		Long Hòa 2		x	x		
10	10	Lê Văn Ly	1968		Long Thạnh 2		x	x		
11	11	Trần Văn Luận	1959		Long Hòa 2		x	x		
12	12	Nguyễn Văn Lâm	1980		Long Thạnh 2		x	x		
13	13	Trần Thị Dúng		1957	Long Thạnh 2	x			x	Chết (Không cất) gia đình không còn ai
14	14	Võ Văn Lên	1989		Long Thạnh 2	x			x	Bỏ địa phương đi hết hộ
15	15	Nguyễn Văn Tuấn	1980		Long Hòa 1		x	x		
16	16	Trần Lũy Khiếm	1960		Long Hòa 2		x	x		
17	17	Trần Minh Quang	1976		Long Hòa 2		x	x		
18	18	Chung Hữu Đức	1967		Long Hòa 2		x	x		
19	19	Nguyễn Thị Thủy		1966	Long Thạnh 2		x	x		
		II - Phú Lâm: 29 căn				**7**	**22**	**6**	**23**	
20	1	Dương Văn Tề	1938		Phú Hoà A		x	x		
21	2	Nguyễn Hữu Trí	1967		Phú Hoà A		x	x		
22	3	Nguyễn Văn Lợi	1965		Phú Hoà A		x		x	Ngang 2,58m x Dài 12m, đất mua giấy tay, sàn cao, không có ván lót sàn
23	4	Trương Văn Ngừng	1973		Phú Hoà A		x	x		
24	5	Đặng Thị Nở		1953	Phú Hoà B	x			x	Đất ở đậu chủ đất không cho cất
25	6	Trần Thị Nem	1979		Phú Hoà B		x		x	Đất ông bà cho, không giấy CQSD đất, dự kiến nguồn CTĐ huyện
26	7	Trần Văn Nói	1966		Phú Hoà B		x		x	Đất ông bà cho, không ai ký tên cho đất
27	8	Trần Văn Bình	1961		Phú Hoà B		x		x	Không nhu cầu cất nhà
28	9	Nguyễn Kim Lớn		1964	Phú Hoà B		x		x	xin sửa chữa nhà
29	10	Phạm Văn Đực	1954		Phú Hoà B		x		x	Không còn nhu cầu cất nhà

STT huyện	STT xã	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Địa chỉ (ấp)	Đối tượng		Phân loại theo Quyết định số 55/QĐ-BXD		PHỤ GHI
			Nam	Nữ		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Nhóm 1 (đủ điều kiện)	Nhóm 2 (chưa đủ điều kiện)	
30	11	Trần Ngọc Vinh	1976		Phú Hoà B		x		x	Không còn nhu cầu cất nhà
31	12	Lê Thị Liễu		1944	Phú Hoà B		x	x		
32	13	Bùi Mỹ Thuận		1957	Phú Thuận A	x			x	Đất đậu chủ đất không cho cất
33	14	Phan Thị Đồng		1945	Phú Thuận A		x	x		
34	15	Phạm Thị Lèn		1953	Phú Thuận A		x	x		
35	16	Nguyễn Văn Bình	1973		Phú Thuận A		x		x	xin sửa chữa nhà, đất ông bà cho
36	17	Nguyễn Thị Nhỏ		1954	Phú Thuận B	x			x	Đất đậu chủ đất không cho cất
37	18	Nguyễn Thị Sửa		1952	Phú Thuận B		x		x	Đất ông bà cho, không ai kí tên cho đất
38	19	Lý Trung Bình	1961		Phú Thuận B		x		x	Đất ông bà cho, không ai kí tên cho đất
39	20	Phạm Thị Ba		1942	Phú Lợi	x			x	Đất đậu chủ đất không cho cất
40	21	Lâm Văn Đáp	1933		Phú Lợi		x		x	Đất đậu chủ đất không cho cất
41	22	Bùi Văn Ớt	1949		Phú Lợi	x			x	Không còn nhu cầu cất
42	23	Đỗ Văn Chấm	1949		Phú Lợi	x			x	Đất đậu chủ đất không cho cất
43	24	Trương Thành Phương	1968		Phú Lợi		x		x	Đất đậu chủ đất không cho cất
44	25	Đặng Hoàng Vân	1968		Phú Lợi		x		x	Đất đậu, chủ đất không cho cất
45	26	Nguyễn Văn Bình	1969		Phú Lợi		x		x	
46	27	Châu Văn Phùng	1962		Tân Phú		x		x	Vách kiên cố, xin lót gạch, xây phòng, xây nhà VS
47	28	Lâm Thị Sương		1956	Tân Phú		x		x	Không còn nhu cầu cất
48	29	Huỳnh Văn Khiến	1959		Tân Phú	x			x	Đất đậu chủ đất không cho cất
		III - Phú Thạnh: 4 căn				**1**	**3**	**3**	**1**	
49	1	Trần Thị Hường		1949	ấp Gò Ba Gia	x		x		
50	2	Nguyễn Chí Linh	1978		ấp Gò Ba Gia		x	x		
51	3	Lê Thanh Tùng	1975		ấp Phú Đức A		x		x	Chỉ có nhu cầu sửa chữa tol lợp
52	4	Bùi Thị Rô Em		1976	ấp Phú Lộc		x	x		
		IV - Chợ Vàm: 35 căn				**13**	**22**	**8**	**27**	
53	01	Trần Thị Hoa		1972	Tổ 16, Phú Hữu	x		x		
54	02	Huỳnh Thành Công	1976		Tổ 03, Phú Hữu		x	x		
55	03	Đặng Thanh Hùng	1977		Tổ 03, Phú xương		x	x		
56	04	Trần Thị Khe		1965	Tổ 18, Phú xương		x	x		
57	05	Trần Thị Là		1953	Tổ 6, Phú Hữu	x		x		
58	06	Nguyễn Văn Trường	1959		Tổ 02, Phú Hữu		x	x		
59	07	Phạm Đăng Giao	1948		Tổ 03, Phú xương		x	x		
60	08	Nguyễn Thị Ngọc Duyên		1977	Tổ 16, Phú xương		x		x	
61	09	Hà Văn Nở	1969		Tổ 18, Phú xương		x	x		
62	10	Huỳnh Văn Nha	1967		Tổ 16, Phú Hữu		x		x	
63	11	Trần Thị Huệ		1961	Tổ 04, Phú xương		x		x	Không có giấy đất
64	12	Nguyễn Thanh Hải	1973		Tổ 04, Phú xương		x		x	Không có giấy đất
65	13	Trần Thanh Tuấn	1972		Tổ 16, Phú xương		x		x	Không có giấy đất
66	14	Phan Thị Vàng		1968	Tổ 04, Phú xương		x		x	Không có giấy đất

STT huyện	STT xã	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Địa chỉ (ấp)	Đối tượng		Phân loại theo Quyết định số 55/QĐ-BXD		PHỤ GHI
			Nam	Nữ		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Nhóm 1 (đủ điều kiện)	Nhóm 2 (chưa đủ điều kiện)	
67	15	Nguyễn Thị Phượng Năm		1968	Tổ 15, Phú Hữu	x			x	Không có giấy đất
68	16	Đỗ Văn Đằng	1964		Tổ 03, Phú xương		x		x	Không có giấy đất
69	17	Nguyễn Anh Dũng (Đê K26)	1980		Tổ 11, Phú Trường	x			x	Đất cha mẹ cho lại
70	18	Nguyễn Thanh Chí	1977		Tổ 08, Phú Trường	x			x	Nhà mé sông, nằm trong khu sạt lở.
71	19	Châu Thị Kim Hoàng		1960	Tổ 04, Phú xương	x			x	Mua giấy tay chủ cũ không có giấy đất
72	20	Nguyễn Thị Hướng		1973	Tổ 14, Phú xương	x			x	Ông bà cho lại, không có giấy đất
73	21	Huỳnh Văn Công Em	1985		Tổ 03, Phú xương		x		x	Nhà mé sông, nằm trong khu sạt lở.
74	22	Nguyễn Văn Nỏn	1964		Tổ 15, Phú xương		x		x	Đất ở ổn định, không có giấy đất
75	23	Huỳnh Văn Nông	1979		Tổ 16, Phú xương		x		x	Nhà mé sông, nằm trong khu sạt lở.
76	24	Nguyễn Hoàng Mỹ	1946		Tổ 15, Phú xương		x		x	Nhà mé sông, nằm trong khu sạt lở.
77	25	Nguyễn Tấn Phỉ	1959		Tổ 15, Phú Hữu		x		x	Đất tranh chấp không có giấy đất
78	26	Hồ Thị Dư		1962	Tổ 01, Phú Hữu		x		x	Không nhu cầu, nhà mé sông đất ông bà cho lại
79	27	Dương Thị Đẹp		1970	Tổ 5, Phú Vinh		x		x	Không còn nhu cầu
80	28	Lâm Thị Thạnh		1945	Tổ 09, Phú Hữu	x			x	Ở đậu chủ đất không cho cất.
81	29	Trương Hoài Phương	1976		Tổ 10, Phú Vinh	x			x	Sửa chửa xong
82	30	Bùi Ngọc Tươi		1986	Tổ 01, Phú Trường		x		x	Ở đậu Chủ đất không cho cất
83	31	Huỳnh Gia Tân	1951		Tổ 15, Phú xương	x			x	Không có đất
84	32	Phạm Thị Tư		1944	Tổ 07, Phú Hữu	x			x	Chủ hộ chết, không có người thân
85	33	Trương Thị Mẫn		1950	Tổ 7, Phú Vinh	x			x	Chủ hộ chết, không có người thân
86	34	Cao Tấn Chí	1966		Tổ 03, Phú xương		x		x	Hộ đã có nền khu dân cư bán có biên bản làm việc với khóm (thoát cận nghèo năm 2025)
87	35	Nguyễn Tấn Sĩ	1945		Tổ 17, Phú xương	x			x	Không còn nhu cầu
		V - Phú An: 12 căn				**8**	**4**	**11**	**1**	
88	1	Đỗ Thị Gìn		1974	Tổ 24, ấp Phú Bình	x		**x**		
89	2	Dương Thị Nào		1953	Tổ 2, ấp Phú Quới	x		**x**		
90	3	Đỗ Thị Tưởng		1936	Tổ 21, ấp Phú Quý	x			**x**	Đất ở đậu, không cho cất
91	4	Lê Thị Búp		1959	Tổ 08, ấp Phú Quý	x		**x**		
92	5	Bùi Thị Phước		1955	Tổ 16, ấp Phú Quý		x	**x**		
93	6	Nguyễn Thị Tỏn		1950	Tổ 24, ấp Phú Quý	x		**x**		
94	7	Phạm Văn Tiên	1956		Tổ 22, ấp Phú Quý		x	**x**		
95	8	Trần Thị Hoa		1950	Tổ 23, ấp Phú Quý	x		**x**		
96	9	Phan Văn Chuốt		1950	Tổ 24, ấp Phú Quý	x		**x**		
97	10	Trần Văn Chum	1965		Tổ 25, ấp Phú Quý		x	**x**		
98	11	Nguyễn Văn Hây	1975		Tổ 26, ấp Phú Quý		x	**x**		
99	12	Lê Thị Phấn	1942		Tổ 2, ấp Phú Lợi	x		**x**		
		VI - Phú Thọ: 3 căn				**1**	**2**	**3**	**0**	
100	1	Trần Thị Muôn		1940	Ấp Phú Trung	x		x		

STT huyện	STT xã	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Địa chỉ (ấp)	Đối tượng		Phân loại theo Quyết định số 55/QĐ-BXD		PHỤ GHI
			Nam	Nữ		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Nhóm 1 (đủ điều kiện)	Nhóm 2 (chưa đủ điều kiện)	
101	2	Ngô Văn Nghi	1981		Ấp Phú Trung		x	x		
102	3	Nguyễn Thanh Nhàn	1984		Ấp Phú Mỹ Thượng		x	x		
		VII - Phú Mỹ: 4 căn				**2**	**2**	**4**	**0**	
103	1	Bùi Nhựt Đông	1971		Trung 1	x		x		
104	2	Nguyễn Văn Tủ	1949		Mỹ Lương	x		x		
105	3	Võ Văn Hưng	1963		Trung 3		x	x		
106	4	Nguyễn Văn Bào	1966		Cái Tắc		x	x		
		VIII - Tân Hòa: 5 căn				**1**	**4**	**5**	**0**	
107	1	Lê Thị Liệp		1947	tổ 7,ấp Mỹ Hóa 2		x	x		
108	2	Nguyễn Thị Em		1954	tổ 12,ấp Mỹ Hóa 2		x	x		
109	3	Phan Thi Chon		1954	tổ 6, ấp Hậu Giang 1	x		x		
110	4	Nguyễn Thị Chín		1970	Tổ 1 ấp Hậu Giang 2		x	x		
111	5	Lê Hữu Phước	1964		Tổ 1 ấp Hậu Giang 2		x	x		
		IX - Tân Trung: 5 căn				**1**	**4**	**5**	**0**	
112	1	Nguyễn Thị Liên		1949	Tổ 4, ấp Trung 2	x		x		
113	2	Cao Văn Bình	1987		Tổ 1, ấp Mỹ Hóa 1		x	x		
114	3	Trương Thị Vẹn		1941	Tổ 8, ấp Vàm Nao		x	x		
115	4	Nguyễn Thị Hà		1962	Tổ 10, ấp Vàm Nao		x	x		
116	5	Nguyễn Văn Nhi	1971		Tổ 10, ấp Vàm Nao		x	x		
		X - Phú Hưng: 14 căn				**6**	**8**	**14**	**0**	
117	1	Nguyễn Chí Thiện	1965		Hưng Mỹ		x	x		
118	2	Lê Thị Mén		1957	Hưng Mỹ	x		x		
119	3	Lê Văn Đon	1963		Hưng Thới 2		x	x		
120	4	Lê Văn Lắc	1964		Hưng Thới 2		x	x		
121	5	Nguyễn Thị Lệ Thủy		1968	Hưng Thới 2	x		x		
122	6	Võ Thị Hồng		1976	Hưng Thới 2		x	x		
123	7	Nguyễn Thanh Phong	1975		HưngThạnh		x	x		
124	8	Nguyễn Văn Hai	1953		Hưng Thới 1		x	x		
125	9	Nguyễn Văn Búa	1955		Hưng Thới 1	x		x		
126	10	Phạm Thị Phượng		1965	Hưng Thới 1		x	x		
127	11	Lưu Văn Lù	1949		Hưng Thới 1	x		x		
128	12	Lê Văn Thuật	1951		Hưng Thới 1		x	x		
129	13	Lê Chí Tâm	1973		Hưng Thới 1	x		x		
130	14	Phạm Văn Dờm	1976		Hưng Thới 1	x		x		
		XI - Phú Hiệp: 04 căn				**0**	**4**	**4**	**0**	

STT huyện	STT xã	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Địa chỉ (ấp)	Đối tượng		Phân loại theo Quyết định số 55/QĐ-BXD		PHỤ GHI
			Nam	Nữ		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Nhóm 1 (đủ điều kiện)	Nhóm 2 (chưa đủ điều kiện)	
131	1	Nguyễn Văn Tiến	1963		ấp Hòa lợi		x	x		
132	2	Phạm Thị Thúy		1980	ấp Hòa Phát		x	x		
133	3	Trần Thị Phường		1970	ấp Hòa Phát		x	x		
134	4	Trần Văn Mẫm	1965		ấp Hòa Hiệp		x	x		
		XII - Hòa Lạc: 13 căn				**2**	**11**	**9**	**4**	
135	1	Trần Thị Nhan		1947	Tổ 08, ấp Hòa Hưng 1		x		x	Đã bán nền chuyển đi nơi khác (đã lập bb)
136	2	Nguyễn Thị Lành		1986	Tổ 05, ấp Hòa Hưng 2		x		x	Không còn nhu cầu cất (đã lập bb)
137	3	Nguyễn Trường Thi	1980		Tổ 2, ấp Hòa Bình 2		x	x		
138	4	Nguyễn Văn Tám	1967		Tô 2, ấp Hòa Bình 2		x		x	Không có đất
139	5	Dương Thanh Tùng	1982		Tô 3, ấp Hòa Bình 2		x	x		
140	6	Hồ Văn Phương	1973		Tổ 5, ấp Hòa Bình 2		x	x		
141	7	Hà Văn Tùng	1947		Tổ 1, ấp Hòa Bình 2		x	x		
142	8	Trần Thị Dánh		1952	Tổ 2, ấp Hòa Bình 2	x			x	Không có đất
143	9	Huỳnh Văn Hùng	1973		Tổ 3, ấp Hòa Bình 2		x	x		
144	10	Thái Văn Vợn	1969		Tổ 11 ấp Hoà Bình 3		x	x		
145	11	Trần Văn Khoe	1964		Tổ 12 ấp Hoà Bình 3		x	x		
146	12	Hồ Văn Buôl	1965		Tổ 04 ấp Hoà Bình 3		x	x		
147	13	Huỳnh Văn Ly	1957		Tổ 14, ấp Hòa An	x		x		
		XIII - Phú Bình: 22 căn				**6**	**16**	**13**	**9**	
148	1	Nguyễn Văn Thật	1952		ấp Bình Phú 2	x			x	Cô đơn, đã chết
149	2	Trần Thị Kim Phượng		1978	ấp Bình Phú 2	x			x	Không có đất
150	3	Nguyễn Thị Hai		1949	ấp Bình Thành	x			x	Không có đất
151	4	Nguyễn Thị Lẹ		1961	ấp Bình Phú 2	x		x		
152	5	Nguyễn Thị Tiện		1941	ấp Bình Tây 1	x		x		
153	6	Nguyễn Thị xuân		1952	ấp Bình Phú 2	x		x		
154	7	Lê Thị xê		1952	ấp Bình Phú 1		x	x		
155	8	Lê Văn Tiên	1954		ấp Bình Phú 1		x	x		

STT huyện	STT xã	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Địa chỉ (ấp)	Đối tượng		Phân loại theo Quyết định số 55/QĐ-BXD		PHỤ GHI
			Nam	Nữ		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Nhóm 1 (đủ điều kiện)	Nhóm 2 (chưa đủ điều kiện)	
156	9	Nguyễn Văn Thanh	1964		ấp Bình Phú 2		x	x		
157	10	Nguyễn Thị Bông		1963	ấp Bình Tây 1		x	x		
158	11	Nguyễn Thị Đẹp		1966	ấp Bình Tây 1		x	x		
159	12	Nguyễn Văn Tài	1935		ấp Bình Tây 1		x	x		
160	13	Nguyễn Văn Tia	1957		ấp Bình Tây 1		x	x		
161	14	Nguyễn Văn Hiền	1988		ấp Bình Thành		x		x	Không đủ diện tích
162	15	Đoàn Văn Thanh	1964		ấp Bình Phú 1		x		x	Đất cặp mương
163	16	Lê Thanh Sang	1991		ấp Bình Phú 2		x		x	Nhu cầu tự cất
164	17	Hà Văn Bệ	1950		ấp Bình Phú 2		x		x	Không Có Đất
165	18	Mai Thị Nùng		1966	ấp Bình Phú 1		x		x	Nhu cầu tự cất
166	19	Dương Thị Thanh		1979	ấp Bình Thành		x	x		
167	20	Nguyễn Thị Nồi		1964	ấp Bình Tây 1		x	x		
168	21	Nguyễn Văn Nấu	1971		ấp Bình Phú 2		x		x	Nhu cầu tự cất
169	22	Nguyễn Văn Đông	1978		ấp Bình Tây 1		x	x		Nhu cầu tự cất
		XIV - Bình Thạnh Đông: 9 căn				**1**	**8**	**9**	**0**	
170	1	Võ Văn Út	1975		Bình Quới 1		**x**	**x**		
171	2	Nguyễn Văn Tiến	1984		Bình Quới 1		**x**	**x**		
172	3	Phan Văn Sơn	1943		Bình Quới 2		**x**	**x**		
173	4	Trần Quang Trung	1971		Bình Đông 1		**x**	**x**		
174	5	Lê Thị Chưa		1939	Bình Đông 1		**x**	**x**		
175	6	Nguyễn Trúc Lâm	1973		Bình Đông 2	**x**		**x**		
176	7	Nguyễn Thanh Tâm Em	1979		ấp Bình Tây 2		**x**	**x**		
177	8	Nguyễn Thị Thiêu		1951	Bình Quới 1		**x**	**x**		
178	9	Nguyễn Thị xuyến		1943	Bình Quới 2		**x**	**x**		
		XV - Phú Long: 11 căn				**7**	**4**	**9**	**2**	
179	1	Cao Ngọc Phí		1978	Phú Tây	x		x		
180	2	Đoàn Minh Vương	1977		Phú Tây	x		x		
181	3	Trang Thị Ngọt		1972	Phú Đông		x	x		
182	4	Trần Thị Mỹ Y		1954	Long Hậu		x	x		
183	5	Nguyễn Văn Bình	1986		Phú Tây	x		x		
184	6	Cao Thị Quí		1975	Phú Tây		x	x		
185	7	Nguyễn Văn Hưởng	1980		Phú Tây		x	x		
186	8	Nguyễn Văn Lu	1964		Phú Đông	x		x		
187	9	Mã Khải Thu	1964		Phú Đông	x		x		
188	10	Trần Văn Lạc	1979		Phú Đông	x			x	
189	11	Cao Văn Phúc	1976		Phú Đông	x			x	không còn nhu cầu cất
		XVI - Phú Thành: 27 căn				**9**	**18**	**23**	**4**	
190	1	Trần Văn Môi	1971		Phú Quới		x	x		

STT huyện	STT xã	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Địa chỉ (ấp)	Đối tượng		Phân loại theo Quyết định số 55/QĐ-BXD		PHỤ GHI
			Nam	Nữ		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Nhóm 1 (đủ điều kiện)	Nhóm 2 (chưa đủ điều kiện)	
191	2	Trần Văn Hỡi	1973		Phú Quới		x	x		
192	3	Trần Văn Sơn	1979		Phú Quới		x	x		
193	4	Nguyễn Văn Nhã	1957		Phú Quới		x	x		
194	5	Danh Văn Giỏi	1979		Phú Quới		x	x		
195	6	Phan Thị Lẽm		1967	Phú Quới	x		x		
196	7	Trương Văn Dẫn	1953		Phú Quới		x	x		
197	8	Huỳnh Thị Bé		1948	Phú Quới	x		x		
198	9	Đào Thị Bích Chi		1987	Phú Quới	x		x		
199	10	Trần Văn Lịa	1967		Phú Quới		x		x	Không còn nhu cầu cất (có biên bản làm việc)
200	11	Trần Thị Mộng Trinh		1988	Phú Quới		x		x	Không còn nhu cầu cất (có biên bản làm việc)
201	12	Nguyễn Văn Na	1967		Phú Trung		x	x		
202	13	Nguyễn Tấn Tài	1971		Phú Trung		x	x		
203	14	Phạm Văn Ẩn	1969		Phú Trung		x	x		
204	15	Võ Thanh Phong	1978		Phú Trung		x	x		
205	16	Phan Văn Nho	1967		Phú Trung		x	x		
206	17	Phan Văn Bự	1952		Phú Trung		x	x		
207	18	Trần Thị Dồi		1971	Phú Thượng		x	x		
208	19	Hồng Thị Suối		1951	Phú Thượng	x		x		
209	20	Trần Thị Nạp		1938	Phú Thượng	x			x	Không còn nhu cầu cất (có biên bản làm việc)
210	21	Ngô Thị Biểu		1951	Phú Thượng	x		x		
211	22	Võ Tấn Thi	1976		Phú Thượng	x		x		
212	23	Đặng Thị Huệ		1985	Phú Thượng	x			x	Ở trên đất công, không có nhu cầu cất (có biên bản làm việc)
213	24	Nguyễn Thị Mè		1943	Phú Thượng	x		x		
214	25	Trần Văn Chung	1977		Phú Thượng		x	x		
215	26	Lưu Văn Thái	1963		Phú Thượng		x	x		
216	27	Võ Văn Tùng	1980		Phú Thượng		x	x		
		XVII - Phú xuân: 18 căn				**9**	**9**	**16**	**2**	
217	1	Ngô Văn Huýnh	1945		Tổ 4, ấp Phú Hạ	x		x		
218	2	Lê Văn Tiện	1987		Tổ 2, ấp Phú Tây	x		x		
219	3	Trần Văn Be	1962		Tổ 3, ấp Phú Tây		x	x		
220	4	Nguyễn Thanh Cô	1960		Tổ 3, ấp Phú Tây		x	x		
221	5	Nguyễn Văn Lập	1976		Tổ 4, ấp Phú Hạ		x	x		
222	6	Lưu Văn Nghe	1965		Tổ 3, ấp Phú Hạ		x	x		
223	7	Nguyễn Văn Quới	1979		Tổ 1, ấp Phú Hạ		x	x		
224	8	Nguyễn Văn Út	1989		Tổ 1, ấp Phú Hạ		x	x		
225	9	Nguyễn Kim Dung		1967	Tổ 9, ấp phú Hạ	x			x	Ở dậu chủ đất không cho cất
226	10	Phạm Văn Hắn	1973		Tổ 5, ấp Phú Hạ	x			x	Đi Bình dương

STT huyện	STT xã	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Địa chỉ (ấp)	Đối tượng		Phân loại theo Quyết định số 55/QĐ-BXD		PHỤ GHI
			Nam	Nữ		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Nhóm 1 (đủ điều kiện)	Nhóm 2 (chưa đủ điều kiện)	
227	11	Nguyễn Văn Bo	1965		Tổ 9, ấp Phú Thu	x		x		
228	12	Hà Văn On	1971		Tổ 8, ấp Phú Thu	x		x		
229	13	Hồ Văn Nhi	1980		Tổ 5, ấp Phú Thu		x	x		
230	14	Trần Văn Của	1964		Tổ 5, ấp Phú Thu	x		x		
231	15	Võ Văn Đen	1990		Tổ 5, ấp Phú Thu	x		x		
232	16	Trần Văn Cường	1979		Tổ 1, ấp Phú Đông		x	x		
233	17	Lê Văn Lệ	1959		Tổ 1, ấp Phú Đông	x		x		
234	18	Phan Thị Hạnh		1961	Tổ 9, ấp phú Đông		x	x		
	18	**XVIII - Hiệp xương: 7 căn**				**3**	**4**	**7**	**0**	
235	1	Huỳnh Văn Rớt	1981		ấp Hiệp Hòa		x	x		
236	2	Nguyễn Văn Phương	1982		ấp Hiệp Hòa		x	x		
237	3	Phan Văn Tố	1985		ấp Hiệp Hòa		x	x		
238	4	Nguyễn Hoài Thanh	1960		ấp Hiệp Trung		x	x		
239	5	Phạm Văn Phước	1962		ấp Hiệp Thạnh	x		x		
240	6	Nguyễn Văn Tỉnh	1962		ấp Hiệp Thạnh	x		x		
241	7	Ngô Túc Trí	1993		ấp Hiệp Thạnh	x		x		
	Tổng cộng					**86**	**155**	**165**	**76**	

241

241

241